

Số: /TTr- UBND

Hải Dương, ngày tháng năm 2023

## Dự thảo

### TỜ TRÌNH

Về việc xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Công văn số 11/HĐND-VP ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận chủ trương xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo hồ sơ xây dựng Nghị quyết về việc tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

## I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

### 1. Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Theo Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây viết tắt là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) quy định đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội gồm 3 nhóm đối tượng là:

Một là: Đối tượng người không quá 22 tuổi:

- Trẻ em dưới 16 không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

- Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo.

Như vậy, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP chưa bao phủ hết đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó chưa bao gồm đối tượng trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại (cha hoặc mẹ) đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng

và trường hợp đối tượng có hoàn cảnh này nhưng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội mà đủ 16 tuổi trở lên đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 24 tuổi (do một số trường đại học học 06 năm thì nếu học đúng tuổi khi tốt nghiệp sẽ là 24 tuổi).

*Hai là:* Đối tượng người khuyết tật:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Người khuyết tật quy định đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội là người khuyết tật đặc biệt nặng, không nơi nương tựa, không tự lo được cuộc sống.

Như vậy, những người khuyết tật đặc biệt nặng, còn người thân trong gia đình không được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội. (trừ các đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương). Nghị định số 20/2021/NĐ-CP chưa bao phủ hết đối tượng người khuyết tật đặc biệt nặng, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có đối tượng người khuyết tật đặc biệt nặng không có bố, mẹ, vợ (chồng), con hoặc có nhưng vợ (chồng) đã ly hôn hoặc bố, mẹ, vợ (chồng), con đã chết, mất tích hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc trên 60 tuổi hoặc dưới 18 tuổi hoặc hộ gia đình có từ 02 người khuyết tật nặng trở lên; còn những người có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng khác trong gia đình.

*Ba là:* Đối tượng người cao tuổi:

Tại Khoản 2 Điều 18 Luật Người cao tuổi năm 2009 quy định đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội là người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng.

Như vậy, người cao tuổi thuộc hộ diện hộ nghèo, còn người thân trong gia đình không thuộc đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có trường hợp người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên, có hoàn cảnh khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, không có vợ (chồng), con hoặc vợ (chồng) nhưng đã ly hôn hoặc có vợ (chồng), con nhưng đã chết, mất tích, đang hưởng

trợ cấp xã hội hàng tháng; còn những người có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng khác trong gia đình.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên cho thấy, việc xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh về việc tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương là cần thiết nhằm hỗ trợ người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi ...qua đó tăng cường công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

## **2. Căn cứ pháp lý**

- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009; Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010; Luật trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây viết tắt là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).

- Quyết định số 1983/QĐ-TTg, ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW, ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020.

- Chương trình số 20-Ctr/TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy Hải Dương về đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 – 2025.

## **3. Căn cứ thực tiễn**

### **3.1. Tại tỉnh Hải Dương**

**3.1.1. Thực trạng tình hình đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh**

Tổng số đối tượng được trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng là 83.698 đối tượng, trong đó:

- Đối tượng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP: Tổng số là 81.223 đối tượng, trong đó: đối tượng trẻ em không nguồn nuôi dưỡng và người đang đi học không quá 22 tuổi là 252 đối tượng, đối tượng người khuyết tật là 35.292 đối tượng, đối tượng là người cao tuổi là 35.568 đối tượng, đối tượng nhận chăm sóc nuôi dưỡng hàng tháng là 8.195 đối tượng, người đơn thân nghèo đang nuôi con là 1.826 đối tượng, người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo là 90 đối tượng.

- Đối tượng theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh (trẻ dưới 16 tuổi mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chính sách trợ giúp XH tại cộng đồng): 42 đối tượng.

- Đối tượng theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh (người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có vợ, chồng, con hoặc có nhưng đã chết, mất tích, ly hôn hoặc vợ, chồng, con đều đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng): 2.433 đối tượng.

**3.1.2. Thực trạng tình hình đối tượng bảo trợ xã hội tại 02 cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương; Trung tâm Nuôi dưỡng tâm thần Người có công và xã hội Hải Dương)**

**a) Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương:**

- **Về đối tượng:** có 03 nhóm đối tượng

+ Đối tượng người không quá 22 tuổi:

Thực trạng: Theo báo cáo của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương, hiện nay Trung tâm có 05 trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm (trong đó có 01 học sinh đang học đại học năm thứ 4, dự kiến hoàn thành chương trình học đến năm 23 tuổi).

Vấn đề cần giải quyết: Theo báo cáo của các địa phương, trong số đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng có 42 đối tượng trẻ em dưới 16 tuổi và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại (cha hoặc mẹ) đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng. Những người này có nhiều trường hợp có nhu cầu được vào chăm sóc, nuôi

dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội. Do vậy, cần có chính sách tiếp nhận đối tượng này vào Trung tâm.

+ Đối tượng người khuyết tật

Thực trạng: Theo báo cáo của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương, do các văn bản không quy định rõ về đối tượng không nơi nương tựa, không tự lo được cuộc sống nên Trung tâm đã tiếp nhận có đối tượng là người khuyết tật đặc biệt nặng, không có bố, mẹ, vợ, chồng, con hoặc còn nhưng những người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc trên 60 tuổi hoặc dưới 18 tuổi hoặc hộ gia đình có từ 02 người khuyết tật nặng trở lên. Hiện nay, tại Cơ sở 1 Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương đang nuôi dưỡng 97 người khuyết tật. Ngoài ra, hiện Trung tâm còn tiếp nhận 348 đối tượng là người khuyết tật vào học nghề, học văn hoá và nuôi dưỡng theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND.

Vấn đề cần giải quyết: Theo kết quả khảo sát của các địa phương tại thời điểm tháng 8/2023, tại các địa phương trong toàn tỉnh có 193 người khuyết tật đặc biệt nặng (trừ người khuyết tật thần kinh, tâm thần), không còn bố, mẹ, vợ, chồng, con hoặc còn nhưng những người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc trên 60 tuổi hoặc dưới 18 tuổi hoặc hộ gia đình có từ 02 người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên. Những người này có nhiều trường hợp có nhu cầu được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội. Do vậy, cần có chính sách tiếp nhận đối tượng này vào Trung tâm.

+ Đối tượng người cao tuổi:

Thực trạng: Theo báo cáo của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP (được thay thế bởi Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) và các bản trước đây không quy định cụ thể về **“người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng”** nên Trung tâm đã tiếp nhận có đối tượng người cao tuổi bao gồm những người không có vợ (chồng), con hoặc có vợ (chồng), con nhưng đã chết, mất tích, ly hôn hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; còn hoặc không còn ông bà nội; ông bà ngoại; cô, dì, chú, cậu, bác ruột; anh, chị, em ruột hoặc cháu ruột. Hiện nay, Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương có 22 người cao tuổi đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm.

Vấn đề cần giải quyết: Theo báo cáo của các địa phương, trong số đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng có 155 người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên, không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc các khoản trợ cấp hàng tháng khác; thuộc hộ nghèo; không có vợ (chồng), con hoặc có nhưng đã chết, mất tích, ly hôn hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; có thể còn những người có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng khác trong gia đình. Những người này có nhiều trường hợp có nhu cầu được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội. Do vậy, cần có chính sách tiếp nhận đối tượng này vào Trung tâm.

#### **- Về cơ sở vật chất:**

*Trụ sở chính* (Số 93 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Phạm Ngũ Lão, TP Hải Dương): Quy mô diện tích đất 6.176,5m<sup>2</sup> tiếp nhận các đối tượng vào học nghề, học văn hoá và nuôi dưỡng theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND

*Cơ sở 1* (Số 220 Nguyễn Trãi II, phường Sao Đỏ, TP Chí Linh): Diện tích đất 22.688,3m<sup>2</sup>; Diện tích xây dựng 2.104m<sup>2</sup> gồm: Khu nhà làm việc 2 tầng; khu nhà B1, B2, B3, B4 mỗi khu có 2 tầng (gồm khu nhà nuôi dưỡng đối tượng); khu nhà B5 có 1 tầng (khu nhà nuôi dưỡng đối tượng). Ngoài ra, gồm cả hành lang, cầu thang, công trình phụ: hệ thống cấp thoát nước, điện, đường đi nội bộ, sân vườn... cụ thể như sau:

+ 47 phòng ở (02 phòng cho đối tượng tiếp nhận khẩn cấp; 45 phòng cho người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng);

+ 02 phòng phục hồi chức năng, vật lý trị liệu;

+ 01 khu bếp ăn;

+ 01 khu sinh hoạt vui chơi.

Khu chăm sóc, quản lý cho 124 đối tượng người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ mồ côi, được chia thành 05 khu quản lý gồm:

+ Khu B1, B2, B3, B4, mỗi khu có 02 tầng, mỗi phòng diện tích 23m<sup>2</sup>, 42 phòng ở với tổng diện tích phòng 966m<sup>2</sup>. Đáp ứng theo tiêu chuẩn cho 160 đối tượng (6m<sup>2</sup>/1 người); hiện đang dùng để ở cho 124 đối tượng; có thể tiếp nhận thêm 36 đối tượng.

+ Khu B5 có 01 tầng, 03 phòng, mỗi phòng diện tích 15m<sup>2</sup> · tổng diện tích phòng 45m<sup>2</sup>; hiện chưa sử dụng đến; có thể tiếp nhận 07 đối tượng.

Như vậy, với cơ sở vật chất hiện nay, cơ sở 1 Trung tâm có thể tiếp nhận thêm 43 đối tượng, nâng tổng số đối tượng là 167 người.

Đến năm 2025 sau khi dự án xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội (*địa điểm mới*) hoàn thành đi vào hoạt động (theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Trung tâm xây dựng trụ sở tại xã Nam

Hồng và xã An Sơn, huyện Nam Sách, với quy mô quy hoạch khoảng 8,43ha) sẽ đáp ứng chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy văn hóa, dạy nghề 750 đối tượng/năm, trong đó có 280 người khuyết tật, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, người cao tuổi, như vậy sẽ tăng 156 người (so với 124 đối tượng hiện có).

### **b) Trung tâm Nuôi dưỡng tâm thần Người có công và xã hội Hải Dương**

#### **- Về đối tượng:**

+ Thực trạng: Theo báo cáo của Trung tâm, do các văn bản không quy định rõ về đối tượng không nơi nương tựa, không tự lo được cuộc sống nên Trung tâm có tiếp nhận các đối tượng là người khuyết tật tâm thần, thần kinh đặc biệt nặng, không có bố, mẹ, vợ, chồng, con hoặc còn nhưng những người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc trên 60 tuổi hoặc dưới 18 tuổi hoặc hộ gia đình có từ 02 người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên; các đối tượng là người tâm thần mãn tính, có hành vi gây nguy hiểm cho xã hội. Hiện nay, Trung tâm Nuôi dưỡng tâm thần Người có công và xã hội Hải Dương đang nuôi dưỡng 435 người khuyết tật đặc biệt nặng.

+ Vấn đề cần giải quyết: Theo kết quả khảo sát của các địa phương tại thời điểm tháng 8/2023, tại các địa phương trong toàn tỉnh có 119 người khuyết tật dạng thần kinh, tâm thần, mức độ đặc biệt nặng; không còn bố, mẹ, vợ, chồng, con hoặc còn nhưng những người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc trên 60 tuổi hoặc dưới 18 tuổi hoặc hộ gia đình có từ 02 người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên. Những người này có nhiều trường hợp có nhu cầu được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội. Do vậy, cần có chính sách tiếp nhận đối tượng này vào Trung tâm.

#### **- Về cơ sở vật chất:**

Trụ sở Trung tâm đặt tại phố Tân Tiến, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Quy mô của Trung tâm hiện tại có tổng diện tích: 46.796 m<sup>2</sup>. Phân chia cụ thể như sau:

Khu chăm sóc quản lý 435 đối tượng, được chia thành 5 khu quản lý, mỗi khu quản lý từ 70-300 đối tượng. Mỗi khu diện tích khoảng 1.000 - 1.900 m<sup>2</sup> (Bao gồm diện tích phòng ở, diện tích phòng điều trị, phòng trực, khu sân chơi, nhà vệ sinh công cộng), diện tích phòng ở cho đối tượng đáp ứng cho số lượng bệnh nhân cụ thể như sau:

+ *Khu bệnh nhân thuyên giảm:*

Tổng gồm 20 phòng. Mỗi phòng diện tích khoảng  $25\text{m}^2$ , tổng diện tích phòng là  $500\text{m}^2$ . Đáp ứng theo tiêu chuẩn cho 83 đối tượng ( $6\text{m}^2/1$  người), hiện đang dùng để ở cho 76 đối tượng. Có thể tiếp nhận thêm 07 đối tượng.

+ *Khu bệnh nhân Sa sút – cách ly:*

Tổng gồm 22 phòng (trong đó, 20 phòng cho đối tượng ở, 02 phòng cho cán bộ nghỉ trưa). Mỗi phòng diện tích khoảng  $25\text{m}^2$ , tổng diện tích phòng là  $550\text{m}^2$ . Đáp ứng theo tiêu chuẩn cho 92 đối tượng ( $6\text{m}^2/1$  người), hiện đang dùng để ở cho 91 đối tượng, có thể tiếp nhận thêm 01 đối tượng (phòng bố trí cho cán bộ nghỉ trưa chuyển thành phòng cho đối tượng ở).

+ *Khu Bộ phận Sa sút – cách ly:*

Là bộ phận của khoa Sa sút – cách ly, do số lượng bệnh nhân của khoa Sa sút – cách ly đông nên đã bố trí một số bệnh nhân sang sinh hoạt tại Khu Bộ phận Sa sút – cách ly.

Tổng gồm 25 phòng (trong đó, 20 phòng cho đối tượng ở, 05 phòng cho cán bộ nghỉ trưa). Mỗi phòng diện tích khoảng  $25\text{m}^2$ , tổng diện tích phòng là  $625\text{m}^2$ . Đáp ứng theo tiêu chuẩn cho 104 đối tượng ( $6\text{m}^2/1$  người), hiện đang dùng để ở cho 76 đối tượng, có thể tiếp nhận thêm 28 đối tượng (phòng bố trí cho cán bộ nghỉ trưa chuyển thành phòng cho đối tượng ở).

+ *Khu bệnh nhân Nữ:*

Tổng gồm 41 phòng. (trong đó, 36 phòng cho đối tượng ở, 05 phòng cho cán bộ nghỉ trưa). Mỗi phòng diện tích khoảng  $25\text{m}^2$ , tổng diện tích phòng là  $1.025\text{m}^2$ . Đáp ứng theo tiêu chuẩn cho 171 đối tượng ( $6\text{m}^2/1$  người), hiện đang dùng để ở cho 123 đối tượng, có thể tiếp nhận thêm 48 đối tượng (phòng bố trí cho cán bộ nghỉ trưa chuyển thành phòng cho đối tượng ở).

+ *Khu bệnh nhân Người có công:*

Tổng gồm 25 phòng. (trong đó, 20 phòng cho đối tượng ở, 05 phòng cho cán bộ nghỉ trưa). Mỗi phòng diện tích khoảng  $25\text{m}^2$ , tổng diện tích phòng là  $625\text{m}^2$ . Đáp ứng theo tiêu chuẩn cho 104 đối tượng ( $6\text{m}^2/1$  người), hiện đang dùng để ở cho 69 đối tượng, có thể tiếp nhận thêm 35 đối tượng (phòng bố trí cho cán bộ nghỉ trưa chuyển thành phòng cho đối tượng ở).

Các khoa quản lý bệnh nhân hiện nay được trang bị máy giặt công nghiệp, máy sấy công nghiệp. Bộ phận nấu ăn được trang bị thêm tủ nấu cơm, canh bằng điện, máy rửa bát khay công nghiệp do vậy giảm nhân lực làm trực tiếp để hỗ trợ thêm vào công tác chăm sóc đối tượng.

Như vậy, tổng các khoa chăm sóc bệnh nhân tại Trung tâm có thể tiếp nhận 554 đối tượng, tăng thêm 119 đối tượng.



### **3.2. Tham khảo việc thực hiện tại các tỉnh, thành phố**

Một số tỉnh đã mở rộng đối tượng tiếp nhận vào các cơ sở trợ giúp xã hội để chăm sóc, nuôi dưỡng như:

- Thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định đối tượng tiếp nhận vào các cơ sở trợ giúp xã hội gồm: Người cao tuổi cô đơn thuộc hộ cận nghèo; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo; người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

- Tỉnh Vĩnh Phúc xây dựng Đề án mở rộng đối tượng tiếp nhận vào Trung tâm tâm thần gồm: Người khuyết tật nặng, có hành vi gây nguy hiểm cho cộng đồng; mở rộng đối tượng người cao tuổi cô đơn vào cơ sở trợ giúp xã hội là đối tượng thuộc hộ cận nghèo.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

1.1. Mở rộng đối tượng có hoàn cảnh khó khăn được tiếp nhận vào nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội thể hiện sự quan tâm đối với đối tượng yếu thế, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và đúng thẩm quyền, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

1.2. Tiếp tục duy trì thực hiện chính sách của tỉnh quan tâm đến một số đối tượng yếu thế trong xã hội đang được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng và cơ sở trợ giúp xã hội.

### **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

2.1. Việc xây dựng phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành, chỉ quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của tỉnh, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản Luật, Nghị định. Những nội dung không quy định tại Nghị quyết, thực hiện theo đúng quy định của Nghị định 20/2021/NĐ-CP và văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung.

2.2. Đảm bảo chính sách được thực hiện ổn định, bảo đảm đầy đủ quyền và lợi ích của các đối tượng có liên quan trong việc thực hiện chế độ chính sách bảo trợ xã hội.

2.3. Quy định các chế độ chính sách bảo trợ xã hội phù hợp với tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh hiện nay. Nguồn kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách.

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ NGUYÊN TẮC**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định về việc tiếp nhận đối tượng đang thường trú trên địa bàn tỉnh Hải Dương vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

2.1. Trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại (cha hoặc mẹ) đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng.

2.2. Người thuộc diện quy định tại điểm 2.1 mục 2 phần III Tờ trình này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương mà đủ 16 tuổi trở lên nhưng đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 24 tuổi.

2.3. Người khuyết tật đặc biệt nặng thuộc hộ gia đình có từ 02 người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên; người khuyết tật đặc biệt nặng không có cha, mẹ, vợ (chồng), con hoặc có vợ (chồng) nhưng đã ly hôn hoặc có cha, mẹ, vợ (chồng), con nhưng đều thuộc một trong các trường hợp: chết, mất tích, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc trên 60 tuổi hoặc dưới 18 tuổi (trừ đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương).

2.4. Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo; không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc các khoản trợ cấp hàng tháng khác; không có vợ (chồng), con hoặc có vợ (chồng) nhưng đã ly hôn hoặc có vợ (chồng), con nhưng đều thuộc một

trong các trường hợp: chết, mất tích, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

2.5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc thực hiện chính sách nêu tại Tờ trình này.

### **3. Nguyên tắc**

3.1. Các cơ sở trợ giúp xã hội chỉ được tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết này khi đảm bảo đủ điều kiện về cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật.

3.2. Trường hợp hồ sơ tiếp nhận đối tượng vào cơ sở trợ giúp xã hội vượt quá khả năng đảm bảo về cơ sở vật chất của cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định thì xét theo thứ tự ưu tiên sau: Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; có cha, mẹ là người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công; có ông, bà nội, ngoại là liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, bị địch bắt tù đày; con của người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, người đang công tác tại địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo có điều kiện đặc biệt khó khăn; trẻ mồ côi cha hoặc mẹ; con của người khuyết tật nặng; con của người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của pháp luật; là người dân tộc thiểu số (xét ưu tiên đối tượng có nhiều tiêu chí). Trường hợp các đối tượng cùng thuộc 01 tiêu chí ưu tiên nêu trên thì xét ưu tiên đối tượng theo thứ tự từ đối tượng thuộc điểm 2.1 đến điểm 2.4 mục 2 phần III Tờ trình này.

3.3. Các đối tượng được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội sẽ không được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng trong thời gian được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

3.4. Các đối tượng được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội cho đến khi không còn đủ điều kiện được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở trợ giúp xã hội kết thúc quản lý đối tượng theo quy định của pháp luật.

## **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN.**

### **1. Mục tiêu của chính sách**

Quy định mở rộng đối tượng được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội thể hiện sự quan tâm đến một số đối tượng yếu thế

trong xã hội, thực hiện tốt hơn công tác đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, bảo đảm người dân được hưởng chính sách kịp thời, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

## **2. Nội dung của chính sách**

### **2.1. Đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội:**

a) Đối tượng được tiếp nhận vào Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương: Đối tượng quy định tại điểm 2.1, điểm 2.2, điểm 2.3, điểm 2.4 mục 2 phần III Tờ trình này (trừ đối tượng Người khuyết tật dạng thần kinh, tâm thần).

b) Đối tượng được tiếp nhận vào Trung tâm Nuôi dưỡng tâm thần Người có công và Xã hội Hải Dương:

Đối tượng là người khuyết tật dạng thần kinh, tâm thần thuộc đối tượng quy định tại điểm 2.3 mục 2 phần III Tờ trình này.

### **2.2. Chế độ**

Các chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung.

### **2.3. Hồ sơ, thủ tục thực hiện**

Hồ sơ, thủ tục thực hiện tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội quy định tại Tờ trình này được áp dụng như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung.

**2.4.** Các đối tượng đã được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật.

## **3. Giải pháp thực hiện chính sách**

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương.

## V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC

Theo báo cáo đánh giá đề xuất, khi mở rộng đối tượng thì sẽ phát sinh các chi phí liên quan trực tiếp đến các đối tượng tiếp nhận, đảm bảo không tăng số lượng cán bộ khi tăng đối tượng tiếp nhận, các chi phí về tiền lương và các chi phí khác (ngoài chi phí liên quan trực tiếp đến các đối tượng tiếp nhận) đã được tính trong định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá thực hiện từng đối tượng trong Trung tâm. Do vậy, dự kiến nguồn lực tăng thêm khi mở rộng đối tượng như sau:

### 1. Đối với đối tượng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương:

Kinh phí trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 đối tượng gồm:

- Tiền ăn: 18,24 triệu đồng/ năm (1,52 triệu đồng/tháng);

- Tiền thuốc chữa bệnh: 0,6 triệu đồng/năm

- Tiền tư trang, vật dụng: 1,15 triệu đồng/năm;

- Tiền vệ sinh cá nhân đối với đối tượng là phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ: 0,36 triệu đồng/năm (đối tượng nữ chiếm khoảng 50% đối tượng).

1.1. Hiện trạng cơ sở vật chất hiện nay của Trung tâm có thể tiếp nhận thêm 43 đối tượng là người khuyết tật, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, người cao tuổi (dự kiến có khoảng 50% là đối tượng nữ, tương ứng 22 người) để vào chăm sóc nuôi dưỡng tại cơ sở 1 của Trung tâm (so với 124 đối tượng hiện có).

Kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng thực hiện tăng trong năm 2024 ước là:

$43 \text{ người} \times (18,24 + 0,6 + 1,15) \text{ triệu đồng} + 22 \text{ người} \times 0,36 \text{ triệu} = 867,495 \text{ triệu đồng.}$

1.2. Khi Trung tâm Bảo trợ xã hội được xây mới (theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh) tại xã Nam Hồng và xã An Sơn - huyện Nam Sách (thời gian thực hiện năm 2023-2025), với quy mô quy hoạch khoảng 8,43ha, tổng số đối tượng tiếp nhận vào Trung tâm dự kiến khoảng 750 người, trong đó có 280 người khuyết tật, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, người cao tuổi, như vậy sẽ tăng 156 người, trong đó khoảng 50% đối tượng là nữ, tương ứng 78 người (so với 124 đối tượng hiện có) thì kinh phí dự kiến tăng trong năm là:

$156 \text{ người} \times (18,24 + 0,6 + 1,15) \text{ triệu đồng} + 78 \text{ người} \times 0,36 \text{ triệu} = 3.146,52 \text{ triệu đồng.}$

**2. Đối với đối tượng tại Trung tâm Nuôi dưỡng tâm thần Người có công và xã hội Hải Dương:**

Theo báo cáo của Trung tâm Nuôi dưỡng tâm thần Người có công và xã hội Hải Dương, với hiện trạng cơ sở vật chất hiện nay của Trung tâm thì có thể tiếp nhận thêm 129 đối tượng để vào chăm sóc nuôi dưỡng tại Trung tâm để nâng quy mô lên của Trung tâm với tổng số đối tượng là 554 đối tượng (hiện nay là 435 người).

Kinh phí trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 đối tượng gồm:

- Tiền ăn: 18,24 triệu đồng/ năm (1,52 triệu đồng/tháng);
- Tiền thuốc chữa bệnh: 2 triệu đồng/năm
- Tiền tư trang, vật dụng: 1,15 triệu đồng/năm;
- Tiền vệ sinh cá nhân đối với đối tượng là phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ: 0,36 triệu đồng/năm (đối tượng nữ chiếm khoảng 50% đối tượng, dự kiến tăng 60 người).

Kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng thực hiện tăng trong năm 2024 ước là: 119 người x (18,24 + 2 + 1,15) triệu đồng + 60 người x 0,36 triệu = 2.567 triệu đồng.

- Tổng kinh phí dự kiến tăng trong năm 2024 khi 02 Trung tâm tiếp nhận thêm 162 đối tượng là 3.434,49 triệu đồng/năm.

- Tổng kinh phí dự kiến tăng của 02 Trung tâm khi Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương được xây mới, tiếp nhận thêm 156 đối tượng, 02 Trung tâm tiếp nhận thêm 275 người là 5.713,52 triệu đồng/năm.

\* Trường hợp Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 20/2021/NĐ-CP theo hướng tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội là 500.000 đồng/tháng thì chi phí tiền ăn cho mỗi đối tượng tăng khoảng 5,8 triệu đồng/năm, kinh phí năm 2024 khi mở rộng đối tượng tăng thêm khoảng 162 người thì chi phí tăng thêm khoảng gần 0,95 tỷ đồng/năm, khi xây dựng xong Trung tâm Bảo trợ xã hội mới, 02 Trung tâm tăng thêm 275 người thì chi phí tăng thêm khoảng 1,6 tỷ đồng/năm.

\* Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp đảm bảo xã hội được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

## **VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN**

Nghị quyết về việc tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

tỉnh Hải Dương dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2024.

Trên đây là dự thảo Tờ trình xây dựng Nghị quyết về tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**